TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2023
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Trí
2. Ông Nguyễn Văn Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C: Bà Võ Thị Nhu- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân quận C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2023; về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/3/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Lê Minh X**; Sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 45E, Khu vực M, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: 072A Khu vực H, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông **Trần Minh H**; Sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 45E, Khu vực M, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/12/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Minh X cho rằng:

Bà và ông Trần Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Cần Thơ vào ngày 02/02/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong cách quản lý kinh tế nên thường xảy ra cự cãi.

Mâu thuẫn gay gắt đến tháng 6/2022, bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này được nữa nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống các bên sau này.

Về con chung: có 02 con chung là Trần Thị Thanh V (nữ), sinh ngày 06/3/2009 và Trần Minh T (nam), sinh ngày 07/01/2013. Hai con đang sống chung với ông H. Do hiện nay bà không có điều kiện thuận lợi để chăm sóc con nên bà giao hai con cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con, mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/con, đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Minh H vắng mặt.

Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: xét thấy: bà X yêu cầu ly hôn, còn ông H vắng mặt, không có ý kiến, không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại; do đó, nhận thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà X được ly hôn với ông H.

+ Về con chung: có 02 con chung là Trần Thị Thanh V (nữ), sinh ngày 06/3/2009 và Trần Minh T (nam), sinh ngày 07/01/2013, do ông H đang nuôi dưỡng. Bà X cho rằng hiện tại không có điều kiện nuôi dưỡng con, đồng ý giao 02 con cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo về việc chăm sóc, giáo dục con; đề nghị giao hai con cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng và công nhận việc bà X tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con, mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/con, đến khi con đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom con chung cho bà X theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung và nợ: do ông H vắng mặt và hiện tại chưa có ai nộp đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ nên chưa giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Minh X và ông Trần Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện; quá trình chung sống đã có con chung với nhau. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân, giữa hai bên có sự bất đồng trong cách quản lý kinh tế nên không còn quan tâm, chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau; lẽ ra, cả hai vợ chồng phải cùng nhau dung hòa những bất đồng này, nhường nhịn lẫn nhau và cùng nhau phát triển kinh tế gia đình để xây dựng hôn nhân tiến bộ và bền vững nhưng ông bà không làm được điều đó nên dẫn đến hôn nhân đỗ vở là điều tất yếu. Nay bà X yêu cầu yêu cầu ly hôn, còn ông H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến hay thể hiện sự mong muốn hàn gắn đoàn tụ lại; ngoài ra, xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến khi Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án cho đến nay, ông H vẫn không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại. Vì vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Lê Minh X được ly hôn với ông Trần Minh H là phù hợp.

[3] Về con chung: có 02 con chung là Trần Thị Thanh V (nữ), sinh ngày 06/3/2009 và Trần Minh T (nam), sinh ngày 07/01/2013.

Bà X cho rằng hiện tại bà không có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con nên bà đồng ý giao 02 con cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo về việc chăm sóc, giáo dục con; cần giao hai con cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà X tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con, mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/con, kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi; xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà X, không trái pháp luật nên công nhận.

Dành quyền thăm nom con chung cho bà Lê Minh X theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung và nợ: Do ông H vắng mặt và hiện tại chưa có ai nộp đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ nên chưa giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà X phải chịu 300.000đ án phí tranh chấp hôn nhân gia đình và 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Minh X.

1. **Về quan hệ hôn nhân**: cho bà Lê Minh X được ly hôn với ông Trần Minh H.

2. **Về con chung**: có 02 con chung là Trần Thị Thanh V (nữ), sinh ngày 06/3/2009 và Trần Minh T (nam), sinh ngày 07/01/2013.

Giao hai con cho ông Trần Minh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Công nhận việc bà Lê Minh X tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con, mức cấp dưỡng: 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng/01 con; kể từ khi bản án có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom con chung cho bà Lê Minh X theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung và nợ**: Chưa giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Bà Lê Minh X phải chịu 300.000đ án phí về tranh chấp hôn nhân gia đình và 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng; tổng cộng, bà X chịu 600.000đ án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0008875 ngày 11/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Bà Lê Minh X còn phải nộp thêm 300.000đ án phí.

5. **Về quyền kháng cáo**:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết đối với nguyên đơn và bị đơn; các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND Q. C;
- UBND P. B, Q. C;
- Chi cục T.H.A Q. C;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Trang